

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2172 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 6 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt tỉnh Thanh Hóa**

### **CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 44/TTr-SNN&PTNT ngày 19/3/2021, các Công văn số 2040/SNN&PTNT-TL ngày 19/5/2021, số 2336/SNN&PTNT-TL ngày 04/6/2021 (kèm theo Công văn số 3048/SKHĐT-KTNN ngày 18/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 4403/STNMT-TNN ngày 04/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường) về việc phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt tỉnh Thanh Hóa.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt tỉnh Thanh Hóa (Có Đề cương chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì lập đề án) căn

cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này chỉ đạo Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan lập, trình duyệt đề án, dự toán kinh phí lập đề án đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định dự toán kinh phí lập đề án và tham mưu bố trí kinh phí, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình xây dựng đề án đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan, có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

### **Đề án quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt tỉnh Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

## **Phần I**

### **SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Thanh Hóa là tỉnh nằm ở vùng Bắc Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 11.114km<sup>2</sup>, dân số trên 3,6 triệu người. Toàn tỉnh hiện có 4 lưu vực sông chính gồm sông Mã, sông Hoạt, sông Yên, sông Bạng với tổng chiều dài 881 km, tổng diện tích lưu vực là 31.101 km<sup>2</sup>. Tổng lượng dòng chảy hàng năm sinh ra khoảng hơn 20-21 tỷ mét khối nhưng nguồn nước phân bố không đồng đều theo không gian và thời gian dẫn đến tình trạng căng thẳng về nước theo mùa với sự bất cân đối giữa cung, cầu và có xu hướng gia tăng làm cho công tác điều phối, phân bổ nguồn nước rất khó khăn, nhất là trong tình hình biến đổi khí hậu có xu hướng cực đoan, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn xảy ra thường xuyên trên diện rộng, diễn biến phức tạp, mức độ ngày càng nghiêm trọng; đồng thời, việc khai thác nước ngầm để phục vụ công nghiệp và sinh hoạt cần hạn chế theo Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

Tuy nhiên, do có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước, trong tương lai tỉnh Thanh Hóa sẽ có nhiều chuyển biến lớn về phát triển kinh tế nên nhu cầu nguồn nước để phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ là rất lớn cả về số lượng và chất lượng. Vì vậy, đề chủ động nguồn nước, nhất là nước mặt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bảo đảm khai thác hợp lý, bền vững và sử dụng hiệu quả, phục vụ nhu cầu phát triển, bảo vệ môi trường, sức khỏe, đời sống, sản xuất của người dân, góp phần ổn định chính trị, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội, việc xây dựng Đề án quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt là cần thiết.

#### **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012.
- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước đô thị vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Thông báo số 109/TB-UBND ngày 16/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 4 năm 2021.

### **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Đối tượng.**

- Tài nguyên nước ngọt (nguồn nước mặt).
- Các ngành dùng nước: Nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt.

#### **2. Phạm vi nghiên cứu.**

- Phạm vi không gian: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Phạm vi thời gian: Giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

## **Phần II**

### **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC NGỌT GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH**

##### **1. Các chủ trương, chính sách của Trung ương.**

##### **2. Các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.**

## **II. THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC NGỌT, CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC NGỌT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

**1. Đánh giá hiện trạng và tiềm năng tài nguyên nước ngọt.**

**2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý nguồn nước ngọt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

**3. Đánh giá thực trạng khai thác và sử dụng nguồn nước ngọt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

## **III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Về công tác quản lý.**

**2. Về việc khai thác và sử dụng nguồn nước ngọt.**

## **IV. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Hạn chế.**

**2. Nguyên nhân.**

2.1. Nguyên nhân khách quan.

2.2. Nguyên nhân chủ quan.

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1. Đánh giá chung.**

**2. Bài học kinh nghiệm.**

## **Phần III**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC NGỌT PHỤC VỤ CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, SINH HOẠT GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

#### **I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH**

**1. Bối cảnh quốc tế và khu vực.**

**2. Bối cảnh trong nước và trong tỉnh.**

#### **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm.**

**2. Mục tiêu.**

2.1. Mục tiêu tổng quát.

2.2. Mục tiêu cụ thể.

#### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Nhiệm vụ.**

**2. Giải pháp thực hiện.**

2.1. Cơ sở xây dựng giải pháp.

2.2. Giải pháp chủ yếu.

### **3. Kinh phí và tiến độ thực hiện Đề án.**

3.1. Kinh phí thực hiện.

3.2. Nguồn vốn.

3.3. Tiến độ thực hiện và phân kỳ đầu tư.

### **4. Hiệu quả của Đề án.**

4.1. Hiệu quả về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

4.2. Hiệu quả về môi trường.

## **Phần IV**

### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **I. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CHUNG**

#### **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỤ THỂ**

**1. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.**

**2. Đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh.**

## **Phần V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.**

**3. Sở Tài chính.**

**4. Sở Tài nguyên và Môi trường.**

**5. Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh liên quan.**

#### **II. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

**1. Ủy ban nhân dân cấp huyện.**

**2. Ủy ban nhân dân cấp xã.**

#### **III. CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**